TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐAN PHƯỢNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Bản án số: 23/2025/DS - ST
Ngày: 17 - 6 - 2025
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐAN PHƯỢNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Th

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Sen

Ông Tạ Văn Nhật

- Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Văn Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 106/2024/TLST-DS ngày 14/11/2024 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2025/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2025/QĐST - DS ngày 22/5/2025, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn**: Ông Lương Văn Th, sinh năm 1958

Địa chỉ: Số nhà 01, thôn 3, xóm D, xã Đại Y, huyện Chương M, thành phố Hà Nội; có mặt.

* **Bị đơn**: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1982

Địa chỉ: Cụm 1, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội; vắng mặt lần 2 không có lý do.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Tô Thị H, sinh năm 1960.

- Ông Lương Văn Tr, sinh năm 1982.

- Ông Lương Văn H1, sinh năm 1988; có mặt.

Cùng địa chỉ: Số nhà 01, thôn 3, xóm D, xã Đại Y, huyện Chương M, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lương Văn Tr, ông Lương Văn H1: Ông Lương Văn Th, sinh năm 1958; địa chỉ: Số nhà 01, thôn 3, xóm D, xã Đại Y, huyện Chương M, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bà Bùi Thị H2, sinh năm 1985

Địa chỉ: Cụm 1, xã Liên Tr, huyện Đan Ph, thành phố Hà Nội ; vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Lương Văn Th trình bày:*

Ông và vợ là Tô Thị H quen biết ông Hoàng Văn T thông qua việc con trai ông là Lương Văn Tr nộp đơn đi nước ngoài đã gặp ông T ở phòng tư vấn. Sau đó, ông T thường xuyên liên lạc với ông, anh Tr. Do quen biết ông T hỏi vay ông Th nhiều lần tổng số tiền 660.000.000đ (Sáu trăm sáu mươi triệu đồng). Ông và vợ đã nhờ anh Tr giao cho ông T 3 lần tổng số tiền 280.000.000 đồng vào ngày 20/6/2019, 31/8/2019, 18/01/2020). Sau đó, ông và vợ đã nhờ con trai là anh Lương Văn H1 giao cho ông T số tiền 380.000.000 đồng vào ngày 06/8/2020. Nguồn tiền trên là của ông, các con của ông là Tr, H1 chỉ giao hộ ông chứ không có liên quan. Việc vay mượn tiền chỉ có ông T hỏi vay ông Th còn bà Bùi Thị H2 (vợ ông T) cũng như bà Nguyễn Thị Miên (mẹ đẻ ông T) không hề hỏi vay. Thời hạn các bên thỏa Thận cho ông T vay trong 90 ngày kể từ ngày ông T nhận tiền đầu tiên và không yêu cầu tính lãi suất. Do anh Tr có nhu cầu đi lao động tại nước Úc thì vợ chồng ông trao đổi với ông T nếu lo cho anh Tr đi nước ngoài được thì vợ chồng ông sẽ trừ nợ vào khoản vay trên, ông T cũng đồng ý. Tuy nhiên, ông T không lo cho anh Tr đi nước ngoài được nên ông đã nhiều lần đòi ông T trả số tiền đã vay. Ngày 08/02/2023, ông T trả ông Th số tiền 190.000.000 đồng. Nhiều lần sau ông đến nhà ông T đòi tiền thì ông T tránh mặt, không nghe điện thoại. Cuối năm 2022, ông đã làm đơn tố cáo ông T về hành vi nêu trên tại công an huyện Đan Phượng có dấu hiệu vi phạm pháp luật. Quá trình thụ lý đơn, Công an huyện Đan Phượng có văn bản trả lời nội dung đơn tố cáo của ông với ông T không có dấu hiệu vi phạm pháp luật hình sự. Ngày 09/3/2023, ông T cùng mẹ là bà Miên đã trả ông số tiền 100.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản. Như vậy, ông T đã trả ông tổng số tiền 290.000.000 đồng. Ngày 09/3/2023, ông T viết giấy hẹn sau 3 tháng trả ông nốt số tiền 370.000.000 đồng, có chữ ký xác nhận của ông T, bà Hà, bà Miên.

Tại Công an huyện và đến nay ông xác định: Ông cho T vay tổng số tiền 660.000.000 đồng, các lần giao tiền cho ông T thì ông đều nhờ con trai là Tr và H1 giao hộ. Ông T vay tiền vợ chồng ông là vay mượn cá nhân, không liên quan đến việc ông T nhận tiền xin lo việc cho anh Tr đi nước ngoài.

Nay ông khởi kiện ông T phải trả số tiền 370.000.000 đồng, cộng lãi suất toàn bộ khoản vay tính từ ngày 09/3/2023 là 1% cho đến khi ông T thanh toán xong toàn bộ khoản vay. Ngoài ra, ông không có yêu cầu gì khác.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng Văn T đều vắng mặt không có lý do. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Bùi Thị H2 là vợ ông T đến Tòa án có văn bản đề nghị cho ông T, bà Hà làm việc với Tòa án vào buổi sau. Tòa án đã tiến hành xác minh: Tại phòng Xuất nhập cảnh thể hiện: Ông T, bà Hà đã xuất cảnh ra nước ngoài sau thời điểm Tòa án thụ lý vụ án; người thân của ông T, bà Hà không cung cấp được địa chỉ của ông T, bà Hà ở nước ngoài. Do Tòa án không tiến hành

các thủ tục tố tụng được với ông T, bà Hà nên đã tiến hành các thủ tục cấp đạt văn bản tố tụng cho ông T, bà Hà theo quy định của pháp luật.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tô Thị H trình bày:* Bà là vợ ông Lương Văn Th. Bà nhất trí lời trình bày của ông Th nêu trên. Do điều kiện công việc bà không tham gia tố tụng tại Tòa án được nên bà ủy quyền cho ông Th thay mặt bà tham gia tố tụng tại Tòa án và toàn quyền giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lương Văn Tr, anh Lương Văn H1 trình bày:* Các anh là con của ông Lương Văn Th và bà Tô Thị H. Do điều kiện công việc các anh không tham gia tố tụng tại Tòa án được nên các anh ủy quyền cho ông Th thay mặt các anh tham gia tố tụng tại Tòa án và toàn quyền giải quyết vụ án cho đến khi kết thúc.

Tại phiên tòa:

Ông Lương Văn Th giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án.

Ông Lương Tr H1 nhất trí lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của ông Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đan Phượng tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng thủ tục tố tụng, đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Theo các tài liệu ông Th cung cấp, tài liệu được sao chụp tại Công an huyện Đan Phượng cũng như quá trình giải quyết vụ án ông Th và ông T đều xác nhận: Ông T cho ông Th vay số tiền 660.000.000 đồng. Sau nhiều lần, ông Th đòi ông T đã trả được tổng số tiền 290.000.000 đồng, ngày 09/3/2023 ông T viết giấy hẹn trả nợ ông Th số tiền 370.000.000 đồng sau 3 tháng. Quá trình thụ lý vụ án, ông T, bà Hà đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án nhưng không có ý kiến gì do vậy ông Th khởi kiện ông T là có căn cứ. Chấp nhận yêu cầu của ông Th, buộc ông T trả nợ ông Th số tiền 370.000.000 đồng và phần lãi suất 0,83%/ tháng kể từ ngày 09/3/2025. Ông Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí đối với phần lãi suất vượt quá yêu cầu. Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lương Văn Th cho ông Hoàng Văn T, địa chỉ cư trú: Xã Liên Tr, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội vay số tiền 660.000.000 đồng. Ông T đã trả ông Th tổng số tiền 290.000.000 đồng, ngày 09/3/2023 ông T đã viết giấy hẹn trả nốt ông Th số tiền 370.000.000 đồng sau 3 tháng. Do ông T không thực hiện trả nợ nên ông Th khởi kiện ông T yêu cầu trả số tiền vay 370.000.000 đồng. Theo quy định của pháp luật thì đây là vụ án dân sự tranh chấp hợp đồng vay tài sản, Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại các Điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 14/11/2024, Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng đã thụ lý vụ án nêu trên theo đơn khởi kiện của ông Th đồng thời tống đạt thông báo thụ lý vụ án cho ông T, bà

Hà. Ngày 21/11/2024, bà Hà đến Tòa án có văn bản đề nghị cho ông T, bà Hà làm việc với Tòa án vào buổi sau vì lý do công việc đột xuất. Sau đó, Tòa án đã báo gọi ông T, bà Hà nhiều lần nhưng ông T, bà Hà không đến làm việc. Xác minh tại Công an xã Liên Tr thể hiên: Ông Hoàng Văn T, bà Bùi Thị H2 đăng ký hộ khẩu thường trú tại cụm 1, xã Liên Tr, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội. Xác minh tại phòng xuất nhập cảnh thể hiện: Ông T xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối cùng xuất cảnh vào ngày 20/11/2024, bà Hà có xuất cảnh và nhập cảnh vào ngày 08/02/2025. Ông T, bà Hà xuất cảnh sau thời điểm Tòa án thụ lý vụ án nên vụ án Thộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã thực hiện cấp tống đạt hợp lệ văn bản tố tụng nhiều lần cho ông Hoàng Văn T, bà Bùi Thị H2 nhưng ông T, bà Hà đều vắng mặt không có lý do. Do vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án mà chỉ mở phiên họp giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định của pháp luật và tiến hành xét xử vắng mặt ông T, bà Hà theo quy định tại Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét ông Lương Văn Th khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Văn T trả nợ số tiền vay 370.00.000 đồng cộng lãi suất 1% kể từ thời điểm ngày 09/3/2023.

[2.1] Về nợ gốc:

Quá trình giải quyết vụ án, ông Th khẳng định: Ông Th cho ông T vay số tiền 660.000.000 đồng. Việc ông Th cho ông T vay tiền thì chỉ có ông Th với ông T thỏa Thận còn bà Bùi Thị H2 (vợ ông T) không biết. Ông T đã trả nợ ông Th nhiều lần tổng số tiền 290.000.000 đồng được thể hiện theo giấy hẹn trả nợ do ông T viết ngày 09/3/2023.

Ông T, bà Hà đã được nhận thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng của Tòa án. Sau đó, bà Hà đến Tòa án có văn bản đề nghị cho T, bà Hà làm việc với Tòa án vào buổi làm việc sau. Từ đó đến nay, Tòa án thực hiện cấp tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho người thân sinh sống cùng bà Hà, ông T đồng thời niêm yết văn bản tố tụng theo quy định pháp luật nhưng ông T, bà Hà không cung cấp được tài liệu chứng cứ gì liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Th nêu trên.

Căn cứ các tài liệu Th thập tại Công an huyện Đan Phượng gồm: Các biên bản làm việc, biên bản giao nhận tài liệu, của ông Th; bản tự khai cùng các biên bản lời khai của ông Th, ông T, anh Tr, anh H1 thể hiện: Ông Th cho ông T vay số tiền 660.000.000 đồng. Ông Th nhờ các con anh Lương Văn Tr và anh Lương Văn H1 giao tiền cho T và ông T đều ký nhận tiền.

Từ tài liệu, chứng cứ Th thập được có đủ cơ sở xác định, ông Th cho ông T vay số tiền 660.000.000 đồng, sau nhiều lần ông T trả ông Th số tiền 290.000.000 đồng và ngày 09/3/2023 ông T viết giấy hẹn trả nốt số tiền 370.000.000 đồng sau 3 tháng nhưng ông T không thực hiện trả nợ. Do vậy, ông Th khởi kiện ông T yêu cầu trả nợ số tiền nợ gốc 370.000.000 đồng là có căn cứ.

[2.2] Về lãi suất:

Theo các tài liệu nguyên đơn cung cấp cũng như tài liệu Th thập được từ cơ quan công an thể hiện: Ông T hẹn trả ông Th số tiền 370.000.000 đồng vào ngày 09/3/2023 và không ghi lãi suất. Do ông T vi phạm thời hạn trả số tiền nêu nên ông Th yêu cầu

tính lãi suất số tiền vay kể từ ngày 09/3/2023 đến thời điểm xét xử là có căn cứ. Tuy nhiên, ông Th yêu cầu ông T trả lãi 1% x số tiền gốc x thời gian chậm trả nợ gốc là chưa phù hợp vì giữa ông Th và ông T không thỏa Thận mức lãi suất cụ thể nếu vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự và Điều 5 Nghị quyết số 01/2019/NQ - HĐTP ngày 11/01/2019 mức lãi suất của ông Th yêu cầu ông T trả nợ được chấp nhận là 0,83/tháng tương ứng số tiền lãi của số nợ gốc nêu trên 01 tháng = 3.071.000 đồng.

Số tiền lãi ông Th yêu cầu được chấp nhận: 370.000.000 đồng x 0,83% x 27 tháng 17 ngày = 84.657.000 đồng.

[2.3] Tổng số tiền ông T phải trả ông Th tính đến ngày 17/6/2025 là 454.657.000đ (Bốn trăm năm mươi tư triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn đồng), trong đó: Tiền nợ gốc 370.000.000 đồng + lãi suất 84.657.000 đồng.

[3] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của ông Lương Văn Th được chấp nhận số tiền nợ gốc và một phần lãi; số lãi ông Th yêu cầu vượt quá thì Th là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí và Thộc trường hợp được miễn án phí.

Ông Hoàng Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 468 Bộ luật dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Lương Văn Th khởi kiện ông Hoàng Văn T trả nợ theo giấy hẹn trả nợ ngày 09/3/2023 và một phần lãi.

Buộc ông Hoàng Văn T phải trả ông Lương Văn Th số tiền tính đến ngày 17/6/2025 là 454.657.000đ (Bốn trăm năm mươi tư triệu sáu trăm năm bảy nghìn đồng), gồm: Tiền nợ gốc 370.000.000 đồng + lãi suất 84.657.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức Thu, miễn, giảm, Thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Ông Hoàng Văn T phải chịu 22.186.000 đồng (Hai mươi hai triệu một trăm tám mươi sáu nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lương Văn Th là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí và Thuộc trường

hợp được miễn án phí.

4. Căn cứ Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể tuyên án sơ thẩm; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Thận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Đan Phượng;
- Chi cục THADS huyện Đan Phượng;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trần Thị Thu